

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
HĐ TUYỂN SINH THẠC SĨ  
ĐỢT 2 NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 238/QĐ-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trình độ thạc sĩ, hình thức đào tạo chính quy, đợt 2 năm 2024, khóa 50

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-ĐHSP ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông báo số 1218/TB-ĐHSP ngày 02/08/2024 về tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024 - Khóa 50 và Thông báo số 1786/TB-ĐHSP ngày 24/10/2024 về việc gia hạn thời gian đăng ký và nộp hồ sơ tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024 - Khóa 50;

Căn cứ Quyết định số 2533/QĐ-ĐHSP ngày 04/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-ĐHSP ngày 18/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc công nhận điểm trúng tuyển vào Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trình độ thạc sĩ, hình thức đào tạo chính quy, đợt 2 năm 2024, khóa 50;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 173 thí sinh (danh sách kèm theo) trúng tuyển vào Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trình độ thạc sĩ, hình thức đào tạo chính quy, đợt 2 năm 2024, khóa 50.

| STT               | Ngành/Chuyên ngành                                                                                      | Số lượng<br>trúng<br>tuyển | Ghi chú |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
| 1.                | Giáo dục học - Chuyên ngành Giáo dục học Tiểu học                                                       | 34                         |         |
| 2.                | Giáo dục học - Chuyên ngành Giáo dục học Mầm non                                                        | 01                         |         |
| 3.                | Quản lý giáo dục                                                                                        | 74                         |         |
| 4.                | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn –<br>Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý   | 01                         |         |
| 5.                | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn –<br>Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học | 07                         |         |
| 6.                | Tâm lý học                                                                                              | 28                         |         |
| 7.                | Lịch sử Việt Nam                                                                                        | 02                         |         |
| 8.                | Hóa hữu cơ                                                                                              | 01                         |         |
| 9.                | Hóa lý thuyết và hóa lý                                                                                 | 04                         |         |
| 10.               | Hệ thống thông tin                                                                                      | 01                         |         |
| 11.               | Sinh học                                                                                                | 02                         |         |
| 12.               | Quản lý tài nguyên và môi trường                                                                        | 03                         |         |
| 13.               | Ngôn ngữ học                                                                                            | 07                         |         |
| 14.               | Đại số và lý thuyết số                                                                                  | 02                         |         |
| 15.               | Việt Nam học                                                                                            | 06                         |         |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                                                                                         | <b>173</b>                 |         |

**Điều 2.** Các thí sinh có tên ở Điều 1 được hưởng mọi quyền lợi của học viên cao học hệ chính quy theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị liên quan và thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Võ Văn Minh**

KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN  
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG, ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ,  
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY, ĐỢT 2 NĂM 2024, KHÓA 50

(kèm theo Quyết định số 238 ngày 18/02/2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thạc sĩ đợt 2 năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

| TT                                                  | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Điểm trúng<br>tuyển (thang<br>10) | Chương trình đào tạo  | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------|------------------|--------|------------|----------------|-----------------------------------|-----------------------|---------|
| Ngành Đại số và Lý thuyết số                        |                  |        |            |                |                                   |                       |         |
| 1                                                   | Lê Hoàng         | Long   | 31/05/2002 | Đà Nẵng        | 8.03                              | Định hướng ứng dụng   |         |
| 2                                                   | Trần Thị Ngọc    | Phương | 05/02/2002 | Kon Tum        | 7.33                              | Định hướng ứng dụng   |         |
| Ngành Giáo dục học - Chuyên ngành Giáo dục Mầm non  |                  |        |            |                |                                   |                       |         |
| 1                                                   | Lê Thị Phương    | Phi    | 03/03/1998 | Long An        | 8.08                              | Định hướng ứng dụng   |         |
| Ngành Giáo dục học - Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học |                  |        |            |                |                                   |                       |         |
| 1                                                   | Trần Hà Tường    | An     | 21/09/2002 | Quảng Nam      | 8.45                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                                   | Nguyễn Kiều      | Anh    | 14/02/2002 | Đà Nẵng        | 8.35                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 3                                                   | Dương Tuấn       | Anh    | 11/01/1998 | Quảng Nam      | 8.35                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 4                                                   | Tôn Nữ Gia       | Bảo    | 30/10/2002 | Thừa Thiên Huế | 8.09                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 5                                                   | Lê Đoàn Khánh    | Hà     | 30/09/1999 | Đà Nẵng        | 8.57                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 6                                                   | Đoàn Thị Ngọc    | Hân    | 16/05/1988 | Đà Nẵng        | 8.58                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 7                                                   | Vũ Thị Minh      | Hằng   | 15/12/2001 | Hà Tĩnh        | 8.34                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 8                                                   | Nguyễn Thị       | Hoa    | 22/03/2002 | Quảng Nam      | 8.34                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 9                                                   | Phạm Thị         | Hoa    | 28/01/1996 | Quảng Nam      | 8.83                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 10                                                  | Nguyễn Thị Ánh   | Hồng   | 23/09/2000 | Quảng Nam      | 8.15                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 11                                                  | Đỗ Thị Thanh     | Hường  | 23/01/2001 | Đà Nẵng        | 8.09                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 12                                                  | Hồ Thị Thu       | Liểu   | 30/11/1996 | Đà Nẵng        | 8.29                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 13                                                  | Nguyễn Thị Hồng  | Linh   | 04/11/2001 | Gia Lai        | 8.22                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 14                                                  | Chế Ngọc         | Mỹ     | 01/09/1998 | Bình Định      | 8.21                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 15                                                  | Lê Quỳnh         | Ngân   | 22/05/2001 | Quảng Nam      | 8.26                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 16                                                  | Lê Thị Kim       | Nguyên | 13/08/2000 | Đà Nẵng        | 8.12                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 17                                                  | Đinh Thị Uyên    | Nhi    | 21/06/2002 | Đà Nẵng        | 8.68                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 18                                                  | Trần Thị Mỹ      | Nhung  | 03/09/2002 | Đà Nẵng        | 8.61                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 19                                                  | Nguyễn Thị       | Phúc   | 03/02/2000 | Đà Nẵng        | 8.41                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 20                                                  | Nguyễn Thị Bích  | Phương | 02/06/2002 | Nghệ An        | 8.35                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 21                                                  | Trần Văn         | Tâm    | 08/03/1997 | Quảng Nam      | 8.18                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 22                                                  | Hoàng Thị Phương | Thảo   | 24/09/2001 | Quảng Bình     | 8.30                              | Định hướng nghiên cứu |         |
| 23                                                  | Trần Thị         | Thảo   | 27/12/2001 | Đà Nẵng        | 8.36                              | Định hướng nghiên cứu |         |



Handwritten signature or mark.

| TT                                   | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Điểm trúng tuyển (thang 10) | Chương trình đào tạo  | Ghi chú |
|--------------------------------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------------------------|-----------------------|---------|
| 24                                   | Võ Thị Hồng       | Thụy   | 17/11/1989 | Quảng Trị  | 8.24                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 25                                   | Ngô Thị Phương    | Tình   | 10/05/2002 | Quảng Nam  | 8.79                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 26                                   | Lê Hoàng Bích     | Trâm   | 22/09/2002 | Đà Nẵng    | 8.25                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 27                                   | Nguyễn Thị Huyền  | Trân   | 10/01/2000 | Đà Nẵng    | 8.15                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 28                                   | Nguyễn Thị Thảo   | Trang  | 22/03/1991 | Đà Nẵng    | 8.43                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 29                                   | Bùi Võ Hoàng      | Trúc   | 25/02/2002 | Đà Nẵng    | 8.35                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 30                                   | Trần Nguyễn Thạch | Truyền | 13/05/2001 | Quảng Nam  | 8.14                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 31                                   | Đặng Nguyễn Tố    | Uyên   | 22/10/2000 | Bình Định  | 8.16                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 32                                   | Lê Thị Tường      | Vy     | 10/02/2002 | Quảng Ngãi | 8.58                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 33                                   | Trương Thị Như    | Ý      | 27/08/2002 | Đắk Lắk    | 8.31                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 34                                   | Trần Thị Hải      | Yến    | 04/10/1990 | Quảng Trị  | 8.64                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| <b>Ngành Hệ thống thông tin</b>      |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                    | Huỳnh Thị Nga     | My     | 05/11/1990 | Quảng Nam  | 7.50                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| <b>Ngành Hóa hữu cơ</b>              |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                    | Nguyễn Văn        | Tứ     | 21/01/1996 | Đà Nẵng    | 7.21                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| <b>Ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý</b> |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                    | Trần Thảo         | Nhi    | 08/04/2002 | Đà Nẵng    | 8.59                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                    | Đoàn Trần Thảo    | Oanh   | 18/11/2002 | Đà Nẵng    | 7.95                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 3                                    | Lê Nhật           | Phương | 18/01/2002 | Đà Nẵng    | 8.43                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 4                                    | Tăng Nữ Thảo      | Vân    | 14/08/2000 | Đà Nẵng    | 7.15                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| <b>Ngành Lịch sử Việt Nam</b>        |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                    | Huỳnh Phan Như    | Hào    | 03/04/2001 | Phú Yên    | 7.49                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                    | Nguyễn Thị Minh   | Hoàng  | 05/12/2001 | Đà Nẵng    | 8.82                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| <b>Ngành Ngôn ngữ học</b>            |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                    | Hoàng Lan         | Anh    | 01/04/1999 | Quảng Bình | 8.44                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                    | Trần Thanh        | Hiền   | 02/12/2002 | Đà Nẵng    | 8.56                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 3                                    | Phạm Thị Phương   | Linh   | 10/02/2002 | Quảng Bình | 8.42                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 4                                    | Trần Thị Uyên     | Nhi    | 17/09/2002 | Đà Nẵng    | 8.27                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 5                                    | Nguyễn Thị Hoài   | Thương | 17/02/2002 | Quảng Nam  | 8.85                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 6                                    | Nguyễn Thanh      | Trà    | 15/07/1991 | Quảng Bình | 8.62                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 7                                    | Nguyễn Quỳnh      | Trang  | 16/07/2002 | Quảng Bình | 8.36                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| <b>Ngành Quản lý giáo dục</b>        |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                    | Trương Công Vũ    | Hằng   | 22/05/1990 | Quảng Nam  | 8.15                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                    | Nguyễn Thị Hồng   | Hạnh   | 20/04/1992 | Đà Nẵng    | 7.74                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 3                                    | Nguyễn Thị Bích   | Hòa    | 01/01/1997 | Đà Nẵng    | 7.40                        | Định hướng nghiên cứu |         |

| TT | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh              | Điểm trúng tuyển (thang 10) | Chương trình đào tạo  | Ghi chú |
|----|-----------------|--------|------------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|---------|
| 4  | Lê Thị Thanh    | Hồng   | 27/06/1994 | Đà Nẵng               | 7.20                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 5  | Ngô Nguyễn Nhật | Hùng   | 11/01/1994 | Quảng Nam             | 8.00                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 6  | Nguyễn Thanh    | Hưng   | 23/01/1990 | Đà Nẵng               | 6.93                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 7  | Trần Thị Thanh  | Hương  | 03/03/1992 | Đà Nẵng               | 8.27                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 8  | Trương Thị      | Huyền  | 22/11/1993 | Nghệ An               | 8.17                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 9  | Đặng Linh       | Lan    | 28/08/1995 | Đà Nẵng               | 7.46                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 10 | Nguyễn Thị Lê   | Na     | 08/06/1987 | Nghệ An               | 7.66                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 11 | Đinh Thị Kim    | Nga    | 03/09/1982 | Quảng Nam             | 7.70                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 12 | Lê Viết         | Nghĩa  | 27/12/1984 | Quảng Nam             | 8.02                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 13 | Trần Thị Yến    | Nhi    | 21/08/1994 | Đà Nẵng               | 8.01                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 14 | Lê Thị Hồng     | Oanh   | 24/12/1982 | Đà Nẵng               | 8.50                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 15 | Hồ Thị Minh     | Phương | 05/08/1988 | Đà Nẵng               | 7.44                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 16 | Tân Thị         | Quyên  | 10/06/1986 | Đà Nẵng               | 8.50                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 17 | Nguyễn Ngọc     | Quyên  | 10/07/1983 | Quảng Nam             | 7.30                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 18 | Nguyễn Thị      | Sương  | 01/03/1993 | Đà Nẵng               | 7.65                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 19 | Nguyễn Thị      | Thào   | 01/01/1991 | Đà Nẵng               | 7.82                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 20 | Nguyễn Thị Phú  | Thọ    | 01/01/1984 | Quảng Nam             | 7.80                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 21 | Nguyễn Văn      | Thoan  | 14/06/1987 | Quảng Bình            | 7.86                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 22 | Nguyễn Thị      | Thủy   | 10/12/1994 | Quảng Nam             | 7.50                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 23 | Lê Mai Thùy     | Trang  | 23/09/1994 | Quảng Nam             | 8.50                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 24 | Huỳnh Minh      | Tuyền  | 27/10/1982 | Quảng Nam             | 7.51                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 25 | Lê Văn          | Dũng   | 06/12/1988 | Quảng Trị             | 7.06                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 26 | Nguyễn Thị      | Hạ     | 16/06/1992 | Đà Nẵng               | 7.93                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 27 | Phạm Lê         | Hoa    | 16/02/1990 | Đà Nẵng               | 7.50                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 28 | Nguyễn Thị Minh | Hương  | 06/09/1977 | Quảng Nam             | 5.79                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 29 | Phạm Thị        | Phúc   | 10/03/1991 | Đà Nẵng               | 8.19                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 30 | Nguyễn Nữ Hoàng | Sa     | 21/11/1980 | Đà Nẵng               | 6.07                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 31 | Thái Quang      | Son    | 19/07/1990 | Đà Nẵng               | 5.50                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 32 | Lê Thị Phương   | Trinh  | 22/07/1996 | Đà Nẵng               | 8.05                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 33 | Phạm Đức        | Trung  | 16/03/1990 | Hà Tĩnh               | 6.48                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 34 | Nguyễn Chấn     | Viễn   | 24/05/1999 | Đà Nẵng               | 8.06                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 35 | Vũ Thị          | Dung   | 10/09/1985 | Thanh Hóa             | 6.95                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 36 | Trịnh Thị Trúc  | Duyên  | 03/06/1981 | Bình Dương            | 7.50                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 37 | Lâm Nguyễn Ngọc | Hân    | 01/06/1995 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7.36                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 38 | Trần Thị Thanh  | Hằng   | 14/05/1995 | Bình Dương            | 7.56                        | Định hướng ứng dụng   |         |

| TT | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Nơi sinh              | Điểm trúng tuyển (thang 10) | Chương trình đào tạo | Ghi chú |
|----|------------------|--------|------------|-----------------------|-----------------------------|----------------------|---------|
| 39 | Thái Thị Thu     | Hiền   | 13/10/1979 | Bình Dương            | 6.00                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 40 | Đỗ Thị Thu       | Hiền   | 10/05/1976 | Thanh Hóa             | 7.02                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 41 | Nguyễn Thị       | Hoàn   | 19/12/1983 | Nghệ An               | 6.45                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 42 | Đặng Thị         | Hoàn   | 22/03/1985 | Thái Bình             | 7.00                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 43 | Đoàn Thanh       | Hoàng  | 19/12/1993 | Bình Dương            | 7.38                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 44 | Nguyễn Thị       | Hồng   | 11/02/1985 | Thanh Hóa             | 6.06                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 45 | Lê Thị           | Hợp    | 15/03/1983 | Hà Nội                | 7.52                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 46 | Đoàn Thị         | Hường  | 17/03/1987 | Nam Định              | 7.17                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 47 | Võ Trần          | Lâm    | 14/12/1996 | Long An               | 8.15                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 48 | Hoàng Việt       | Lập    | 14/09/1997 | Quảng Bình            | 8.11                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 49 | Hà Tú            | Linh   | 31/08/1997 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7.42                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 50 | Nguyễn Thị Ngọc  | Ngân   | 26/11/1993 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7.86                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 51 | Nguyễn Thị Bích  | Ngọc   | 12/01/1997 | Hải Phòng             | 7.61                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 52 | Nguyễn Thị Hồng  | Nhung  | 16/08/1983 | Sông Bé               | 7.13                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 53 | Nguyễn Thị Vũ    | Quỳnh  | 20/11/1998 | Ninh Thuận            | 7.00                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 54 | Nguyễn Thị       | Tám    | 08/08/1983 | Bình Dương            | 6.00                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 55 | Đặng Thị Thanh   | Thảo   | 22/02/1979 | Thái Bình             | 7.00                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 56 | Nguyễn Thị       | Thom   | 07/11/1992 | Hải Phòng             | 6.60                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 57 | Cao Thị          | Thương | 05/04/1998 | Nam Định              | 8.53                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 58 | Trần Thị Huyền   | Trân   | 26/05/1998 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7.27                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 59 | Đặng Vũ Phương   | Uyên   | 07/12/1996 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6.64                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 60 | Nguyễn Hoàng     | Dũng   | 31/05/1967 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6.94                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 61 | Trần Thanh       | Hằng   | 24/04/1993 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7.72                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 62 | Lê Thị Mỹ        | Hạnh   | 05/08/1994 | Khánh Hòa             | 7.50                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 63 | Võ Công          | Hậu    | 27/03/1996 | Đồng Nai              | 7.87                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 64 | Nguyễn Thị Mai   | Huyền  | 01/02/1991 | Quảng Ngãi            | 6.68                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 65 | Nguyễn Văn       | Kiệt   | 28/02/1994 | Bình Định             | 6.38                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 66 | Trần Văn         | Mừng   | 03/09/1978 | Bắc Giang             | 7.44                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 67 | Đặng Thị Thúy    | Nhàn   | 11/02/1988 | Tiền Giang            | 7.17                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 68 | Lê Minh          | Thái   | 26/10/1987 | Bình Định             | 7.05                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 69 | Bùi Văn          | Thắng  | 04/08/1984 | Thanh Hóa             | 7.51                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 70 | Đinh Thị Hương   | Thảo   | 15/08/1989 | Phú Yên               | 6.69                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 71 | Trần Thúy        | Thúy   | 16/09/1992 | Hà Tĩnh               | 8.19                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 72 | Bùi Lê Nữ Phương | Tiên   | 24/08/1991 | Bình Phước            | 7.53                        | Định hướng ứng dụng  |         |
| 73 | Trần Thị Kim     | Trúc   | 20/05/1989 | Đồng Tháp             | 7.85                        | Định hướng ứng dụng  |         |

| TT                                            | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Điểm trúng tuyển (thang 10) | Chương trình đào tạo  | Ghi chú |
|-----------------------------------------------|-------------------|--------|------------|------------|-----------------------------|-----------------------|---------|
| 74                                            | Nguyễn Thị Cẩm    | Tuyển  | 11/09/1982 | Đồng Tháp  | 6.97                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| <b>Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường</b> |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                             | Huỳnh Thị Hồng    | Hoa    | 03/09/1988 | Gia Lai    | 7.50                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 2                                             | Lê Thị Thùy       | Linh   | 10/12/1999 | Thanh Hóa  | 8.03                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 3                                             | Nguyễn Thái       | Nguyên | 14/05/2000 | Bạc Liêu   | 8.16                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| <b>Ngành Sinh học</b>                         |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                             | Hồ Thị Xuân       | Hiền   | 02/02/1994 | Đà Nẵng    | 7.89                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                             | Phạm Thị Cẩm      | Tú     | 19/08/1995 | Quảng Nam  | 7.86                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| <b>Ngành Tâm lý học</b>                       |                   |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                             | Nguyễn Thị Thanh  | Huyền  | 17/05/1996 | Bình Định  | 8.32                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                             | Chung Phan Gia    | Khải   | 07/03/1998 | Đà Nẵng    | 7.90                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 3                                             | Đỗ Thị Thùy       | Minh   | 10/10/1996 | Kon Tum    | 7.96                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 4                                             | Lê Bá             | Quang  | 24/06/2000 | Quảng Trị  | 7.76                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 5                                             | Nguyễn Thị Hương  | Thảo   | 05/05/2001 | Quảng Ngãi | 8.50                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 6                                             | Nguyễn Minh       | Truyền | 15/08/1998 | Lâm Đồng   | 8.22                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 7                                             | Trần Thị          | Tuyết  | 08/05/1992 | Đà Nẵng    | 7.96                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 8                                             | Trần Thị Ngọc     | Vân    | 23/05/1996 | Gia Lai    | 7.01                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 9                                             | Nguyễn Thị Hồng   | Cam    | 20/06/1992 | Bình Định  | 8.09                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 10                                            | Nguyễn Thị Hoài   | Cẩm    | 19/05/2002 | Quảng Nam  | 8.28                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 11                                            | Bùi Thị           | Dung   | 15/08/1990 | Nghệ An    | 7.43                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 12                                            | Nguyễn Thúy       | Hằng   | 01/06/1995 | Đà Nẵng    | 7.53                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 13                                            | Trần Thúy         | Hiền   | 16/09/2002 | Nghệ An    | 7.86                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 14                                            | Mai Thị Thanh     | Hiền   | 04/07/2002 | Đà Nẵng    | 7.52                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 15                                            | Võ Văn            | Hùng   | 20/06/1994 | Quảng Ngãi | 7.67                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 16                                            | Phan Thị          | Ny     | 07/11/2002 | Quảng Nam  | 8.36                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 17                                            | Tường Nhật        | Tài    | 06/07/2002 | Quảng Nam  | 8.64                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 18                                            | Lê Minh           | Triết  | 19/07/2002 | Quảng Bình | 7.77                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 19                                            | Nguyễn Phan Tuyết | Trình  | 07/06/1987 | Quảng Nam  | 7.57                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 20                                            | Trần Văn          | Vũ     | 18/07/1996 | Quảng Trị  | 6.90                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 21                                            | Nguyễn Thị        | Hiền   | 20/11/1980 | Thanh Hóa  | 6.96                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 22                                            | Phạm Thị          | Hiền   | 07/07/1993 | Thái Bình  | 7.60                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 23                                            | Đái Minh          | Hùng   | 01/03/1991 | Bình Dương | 7.07                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 24                                            | Nguyễn Thị        | Nhàn   | 24/05/1992 | Nghệ An    | 8.06                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 25                                            | Châu Thị Hồng     | Nhung  | 16/11/1986 | Kiên Giang | 7.91                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 26                                            | Nguyễn Đức        | Quang  | 28/09/1970 | Hà Nội     | 7.00                        | Định hướng ứng dụng   |         |

| TT                                                                                                                        | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Điểm trúng tuyển (thang 10) | Chương trình đào tạo  | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------|------------|------------|-----------------------------|-----------------------|---------|
| 27                                                                                                                        | Bùi Phương      | Quỳnh  | 14/08/1986 | Cà Mau     | 8.95                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| 28                                                                                                                        | Lê Thị My       | Sa     | 28/08/1995 | Tây Ninh   | 7.86                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| <b>Ngành Việt Nam học</b>                                                                                                 |                 |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                                                                                                         | Đặng Thúy       | Hiền   | 04/05/2001 | Quảng Nam  | 7.24                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                                                                                                         | Trần Thị Hồng   | Khuong | 05/11/1995 | Đắk Lắk    | 7.60                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 3                                                                                                                         | Phan Thị Xuân   | Mai    | 04/08/1988 | Đà Nẵng    | 8.16                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 4                                                                                                                         | Nguyễn Thành    | Nam    | 02/08/1985 | Phú Thọ    | 7.61                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 5                                                                                                                         | Đỗ Thị Bích     | Thủy   | 15/09/1986 | Quảng Nam  | 7.96                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 6                                                                                                                         | Ngô Thị Bích    | Vân    | 31/08/1976 | Vĩnh Phúc  | 7.75                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| <b>Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn</b><br><b>Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí</b>   |                 |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                                                                                                         | Nguyễn Văn      | Minh   | 09/10/2001 | Đà Nẵng    | 8.75                        | Định hướng ứng dụng   |         |
| <b>Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn</b><br><b>Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học</b> |                 |        |            |            |                             |                       |         |
| 1                                                                                                                         | Tôn Lê Phương   | Dung   | 18/03/1993 | Đà Nẵng    | 8.24                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 2                                                                                                                         | Ngô Thị Thu     | Liễu   | 20/11/1989 | Quảng Ngãi | 7.91                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 3                                                                                                                         | Nguyễn Thị Nam  | Phương | 23/12/1997 | Quảng Nam  | 8.28                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 4                                                                                                                         | Trần Thị Duy    | Tính   | 01/07/1998 | Quảng Nam  | 8.03                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 5                                                                                                                         | Nguyễn Thành    | Trọng  | 19/05/1997 | Quảng Nam  | 7.47                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 6                                                                                                                         | Châu Thị        | Vượng  | 01/02/1996 | Quảng Bình | 8.22                        | Định hướng nghiên cứu |         |
| 7                                                                                                                         | Nguyễn Thị Hồng | Sương  | 18/11/1997 | Quảng Nam  | 7.88                        | Định hướng nghiên cứu |         |

Danh sách này có 173 thí sinh./.

Người lập bảng

Người kiểm dò

Người kiểm tra

Phạm T. Ngọc Diệu

Nguyễn Linh

Phan N. Huy Chinh

Trương M. Tú

Nguyễn T. Bích Huyền

Tổ trưởng Tổ Thư ký

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH

ThS. Đàm Minh Anh



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Võ Văn Minh